

Trung đoàn trưởng	Thượng tá
Sư đoàn phó, Lữ đoàn trưởng	Đại tá
Sư đoàn trưởng	Thiếu tướng

Cấp bậc quân hàm biên chế chính thức tương đương với những chức vụ cao hơn chức vụ sư đoàn trưởng sẽ tùy yêu cầu của Quân đội và trình độ của cán bộ mà quyết định.

Điều 2. — Tùy theo nhu cầu của Quân đội và khả năng của cán bộ, sĩ quan ở mỗi cấp có thể được bổ nhiệm giữ một trong những chức vụ như dưới đây hoặc những chức vụ tương đương:

- Thiếu úy có thể giữ các chức vụ: { Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng.
- Trung úy có thể giữ các chức vụ: { Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó.
- Thượng úy có thể giữ các chức vụ: { Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng.
- Đại úy có thể giữ các chức vụ: { Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn phó.
- Thiếu tá có thể giữ các chức vụ: { Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn phó, Trung đoàn trưởng.
- Trung tá có thể giữ các chức vụ: { Trung đoàn phó, Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Sư đoàn phó.
- Thượng tá có thể giữ các chức vụ: { Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Sư đoàn phó, Sư đoàn trưởng.
- Đại tá có thể giữ các chức vụ: { Lữ đoàn trưởng, Sư đoàn phó, Sư đoàn trưởng, Quân khu trưởng, Tư lệnh binh chủng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục, Tổng tham mưu phó.

Việc bổ nhiệm các sĩ quan từ cấp Thiếu tướng trở lên giữ các chức vụ trong Quân đội sẽ tùy tình hình cụ thể mà quyết định.

Điều 3. — Căn cứ vào tình hình tổ chức, biên chế của Quân đội và chức vụ của cán bộ hiện nay, để khuyến khích cán bộ nỗ lực học tập và cố gắng công tác, khi phong quân hàm lần đầu tiên, nói chung có thể phong dưới cấp bậc quân hàm biên chế chính thức một cấp, có trường hợp phong dưới hai cấp, có trường hợp phong ngang cấp.

Điều 4. — Cấp bậc quân hàm biên chế chính thức của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 5. — Những quy định trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 6. — Ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 20 tháng 6 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ  
PHẠM VĂN ĐỒNG

**NGHỊ ĐỊNH số 307-TTg ngày 20-6-1958**  
**ban hành điều lệ quy định quân hiệu cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của Quân đội nhân dân Việt nam.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật quy định chế độ phục vụ của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt nam đã được Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa thông qua trong khóa họp thứ 2 ngày 29 tháng 4 năm 1958 và được ban hành do sắc lệnh số 109-SL-L11 ngày 31 tháng 5 năm 1958;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ họp tháng 3 năm 1958 đã thông qua mẫu quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của quân đội nhân dân Việt nam,

**NGHỊ ĐỊNH:**

Điều 1. — Nay ban hành điều lệ quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của Quân đội nhân dân Việt nam định theo nghị định này.

Điều 2. — Những quy định trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 20 tháng 6 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ  
PHẠM VĂN ĐỒNG

**ĐIỀU LỆ**

**QUY ĐỊNH QUÂN HIỆU, CẤP HIỆU, PHÙ HIỆU VÀ LỄ PHỤC CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Điều 1. — Quân hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt nam hình tròn đường kính 32 ly, giữa có sao vàng theo hình sao quốc kỳ xung quanh có hai bông lúa. Phía dưới 2 bông lúa có nửa bánh xe màu vàng. Bên ngoài 2 bông lúa có vành màu vàng.

Quân hiệu Lục quân: Sao màu vàng đặt trên nền đỏ tươi.

Quân hiệu Thủy quân: Sao màu vàng và mỏ neo đỏ đặt trên nền xanh nước biển.

Quân hiệu Không quân: Sao màu vàng và hai cánh chim trắng đặt trên nền xanh da trời.

www.ThuVuviet.com  
Tel: +84-9-384-6888



Điều 2.— Để phân biệt các quân chủng trong Quân đội nhân dân Việt-nam, màu sắc của nền phù hiệu và màu sắc của đường viền cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ ấn định như sau:

Lục quân : màu đỏ tươi.

Thủy quân : màu tím than.

Không quân : màu xanh da trời.

Điều 3.— Cấp hiệu và phù hiệu của sĩ quan quân đội nhân dân Việt nam ấn định như sau:

#### 1) Cấp hiệu sĩ quan:

Cấp hiệu sĩ quan thuộc ba quân chủng đeo ở vai áo, nền màu đồng tươi và có sao:

— Thiếu úy, Thiếu tá, Thiếu tướng : một sao.

— Trung úy, Trung tá, Trung tướng : hai sao.

— Thượng úy, Thượng tá, Thượng tướng . . . . . : ba sao.

— Đại úy, Đại tá, Đại tướng . . . : bốn sao.

Cấp hiệu của cấp Tướng: sao màu vàng, cúc hình quốc huy màu vàng, nền dệt nổi kiểu chữ nhân và ô vuông.

Cấp hiệu của cấp Tá: sao màu bạc cúc màu bạc có hình sao giữa hai bông lúa, hai vạch màu bạc đặt ngang, nền dệt nổi lông ngang.

Cấp hiệu của cấp Úy: như của cấp Tá, nhưng chỉ có một vạch màu bạc đặt ngang.

Cấp hiệu của Chuẩn úy: giống như của cấp Úy nhưng không có sao.

#### 2) Phù hiệu sĩ quan:

Phù hiệu sĩ quan nhằm phân biệt các binh chủng và quân chủng, đeo ở ve cổ áo.

Phù hiệu cấp Tướng viền màu vàng, phù hiệu cấp Tá và cấp Úy không viền.

Phù hiệu sĩ quan chỉ huy, sĩ quan chính trị, sĩ quan hậu cần, sĩ quan hành chính thuộc Thủy quân có hình mỏ neo màu bạc, thuộc Không quân có hình hai cánh chim màu bạc, thuộc bộ binh không có hình tượng trưng.

Phù hiệu sĩ quan các binh chủng chuyên môn, kỹ thuật thuộc ba quân chủng có hình tượng trưng binh chủng sau đây:

- Xe tăng, xe thiết giáp : hình xe tăng
- Công binh : hình nửa bánh xe và xẻng cuốc
- Thông tin : hình lưỡng điện
- Hóa học : hình bình hóa học
- Pháo binh : hình hai khẩu súng thần công đặt chéo
- Quân y và thú y : hình hồng thập tự
- Quân nhạc : hình kèn và sáo

— Quân pháp : hình mộc và hai thanh kiếm đặt chéo

— Quân nhu : hình bó lúa và tấm vải

— Quân khí : hình bánh xe và hai khẩu súng trường đặt chéo

— Xe hơi : hình tay lái và dip xe

— Kỹ binh : hình móng ngựa có thanh kiếm và khẩu súng trường đặt chéo

— Văn công : hình dấu hiệu âm nhạc và đàn nguyệt

— Thể công : hình cung tên.

Điều 4.— Cấp hiệu và phù hiệu của hạ sĩ quan và binh sĩ Quân đội nhân dân Việt-nam ấn định như sau:

#### 1) Cấp hiệu hạ sĩ quan:

Cấp hiệu hạ sĩ quan thuộc ba quân chủng đeo ở vai áo, có vạch ngang, cúc màu bạc có hình sao giữa hai bông lúa:

Hạ sĩ : một vạch ngang

Trung sĩ : hai vạch ngang

Thượng sĩ : ba vạch ngang.

Vạch ngang cấp hiệu của hạ sĩ quan Lục quân màu đỏ tươi, Không quân và Thủy quân màu vàng.

Cấp hiệu hạ sĩ quan Lục quân nền màu xám nhạt.

#### 2) Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của hạ sĩ quan:

Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của hạ sĩ quan thuộc ba quân chủng đeo ở ve cổ áo, có một vạch màu vàng và có sao màu bạc.

Hạ sĩ : một sao

Trung sĩ : hai sao

Thượng sĩ : ba sao

Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của hạ sĩ quan thuộc các binh chủng chuyên môn, kỹ thuật có thêm hình tượng trưng binh chủng như quy định ở điều 3.

#### 3) Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của binh sĩ:

Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của binh sĩ thuộc ba quân chủng đeo ở ve cổ áo có sao màu bạc.

Binh nhì : một sao

Binh nhất : hai sao

Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của binh sĩ các binh chủng chuyên môn, kỹ thuật có thêm hình tượng trưng binh chủng như quy định ở điều 3.

#### 4) Cấp hiệu đeo vai của binh sĩ Thủy quân:

Binh sĩ Thủy quân khi mặc áo kiểu cổ bẻ xuống lưng thì có cấp hiệu đeo ở vai.



Cấp hiệu đeo vai của binh sĩ Thủy quân nền tím than :

Binh nhì có một mỏ neo màu bạc.

Binh nhất có một mỏ neo màu bạc và hai vạch màu vàng (nhỏ hơn vạch của hạ sĩ quan).

Điều 5. — Cấp hiệu, phù hiệu của học sinh các trường quân sự ấn định như sau :

### 1) Cấp hiệu :

Cấp hiệu học sinh các trường quân sự thuộc ba quân chủng đeo ở vai áo, viền màu vàng và có một cúc màu bạc có hình sao giữa hai bông lúa.

Học sinh trường Thủy quân khi mặc áo kiêu cồ bề xuống lưng thì đeo cấp hiệu viền màu vàng, có đính mỏ neo màu bạc.

### 2) Phù hiệu :

Phù hiệu học sinh các trường quân sự thuộc ba quân chủng đeo ở ve cổ áo có một vạch màu vàng.

Điều 6. — Lễ phục của cấp Tướng và cấp Tá ấn định như sau :

### 1) Cấp Tướng :

— Mũ lưỡi trai : viền đỏ, quai tết màu vàng, có hai cánh tùng màu vàng bao quanh quân hiệu.

— Áo : gài chéo hai hàng cúc, cổ viền đỏ có hai đường chỉ màu vàng, bác tay viền đỏ có hai đường chỉ màu vàng, phía dưới có một cánh tùng màu vàng. Ve áo có một cánh tùng và một sao màu vàng. Cúc áo màu vàng có hình sao giữa hai bông lúa.

— Quần : có nẹp màu đỏ dệt kiểu chữ nhân giữa có dọc màu đồng trời.

— Cờ ra vát : mùa hạ : màu đen, mùa đông : màu xám nhạt.

— Sơ mi và bít tất tay : màu trắng.

— Giày ngắn cổ, da đen.

### 2) Cấp Tá :

Lễ phục của cấp Tá như của cấp Tướng, nhưng :

— Mũ lưỡi trai : không có cánh tùng.

— Áo : ve áo không có sao, bác tay không có cánh tùng.

— Quần : nẹp và dọc hẹp hơn của cấp Tướng.

Điều 7. — Ngai lễ phục của cấp Tướng và cấp Tá, những trang bị khác của sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ Quốc phòng quy định.

Ban hành ngày 20 tháng 6 năm 1958 kèm theo nghị định số 307 — TTg ngày 20 tháng 6 năm 1958.

Thủ tướng Chính phủ  
PHẠM VĂN ĐỒNG

## THÔNG TƯ số 312-TTg ngày 25-6-1958 bổ sung và hướng dẫn thi hành thể lệ miễn đi dân công đối với gia đình quân nhân được tặng thưởng Bằng vàng danh dự và Huân chương Kháng chiến

Trong bản điều lệ khen thưởng gia đình có người tòng quân, ban hành theo nghị định số 17-TTg ngày 9-1-1958, có quy định ở mục IV, việc miễn đi dân công cho những gia đình được tặng thưởng Bằng vàng danh dự và Huân chương Kháng chiến như sau :

« Người chủ gia đình được tặng thưởng Bằng vàng danh dự và Huân chương Kháng chiến, nếu còn tuổi đi dân công thì được miễn đi dân công ».

Nay Thủ tướng phủ bổ sung vào mục IV của bản điều lệ nói trên, và quy định những trường hợp cụ thể được miễn đi dân công như sau đây :

... « Việc miễn này là để bù đắp phần nào những thiệt thòi về sức lao động của những gia đình vì có người hy sinh hay thương tật, hoặc những gia đình vì có nhiều người đang còn tại ngũ, mà phải gặp nhiều khó khăn trong sản xuất.

Vậy những chủ gia đình được thưởng Bằng vàng danh dự và Huân chương Kháng chiến sẽ được miễn dân công nếu là :

1) Gia đình có từ hai liệt sĩ, tử sĩ, biệt quân mất tích trở lên.

2) Gia đình có từ ba thương binh thương tật hạng ba trở lên.

3) Gia đình có ba quân nhân tại ngũ trở lên.

4) Gia đình vừa có liệt sĩ, vừa có thương binh, vừa có quân nhân tại ngũ thì phải có ít nhất là ba người thuộc các hạng kể trên.

5) Trường hợp đặc biệt : những gia đình dù được tặng thưởng Bằng vàng danh dự và Huân chương Kháng chiến, mà chỉ có một tử sĩ, liệt sĩ, hoặc một thương binh, thuộc hạng tàn phế, nếu chủ gia đình thiếu sức lao động sản xuất, thì chủ gia đình đó cũng được miễn đi dân công.

Thương binh nói ở điểm 4 là những người bị thương tật hạng 3 và quân nhân tại ngũ là những chiến sĩ đã tòng quân theo chế độ tình nguyện trong thời kỳ kháng chiến ».

Quy định trên đây cũng bổ sung vào điểm A, điều 2, chương I của bản điều lệ huy động và sử dụng dân công, số 339-TTg ngày 27-7-1957 (phần miễn đi dân công).

Công tác dân công là nghĩa vụ chung của tất cả công dân Việt-nam, Ủy ban Hành chính các khu, các thành phố, các tỉnh cần giải thích và hướng dẫn thi hành thông tư này để cho việc miễn đi dân công được thi hành đúng với ý nghĩa nêu trên.

Hà nội, ngày 25 tháng 6 năm 1958

T.L. Thủ tướng Chính phủ  
Thứ trưởng Thủ tướng phủ  
PHẠM VĂN BẠCH